

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2022

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Thoảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hoàng Liên

2. Ông Lý Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tiến Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Ông Lộc Hồng Điệp – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: Ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Tôi và anh Hoàng Văn L kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện. Đăng ký ngày 20 tháng 08 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống tại thôn B cũ nay là thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Do con còn nhỏ và anh L nhiều lần xin lỗi nên tôi đã bỏ qua và chúng tôi đã chung sống cùng nhau cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ít quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, mãi chơi và đã làm thất thoát tài sản của gia đình, mang tài sản của gia đình đi bán để trả nợ. Mâu thuẫn vợ chồng gần đây nhất xảy ra là tháng 04/2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L vẫn thường xuyên đi chơi bời, đi làm không mang tiền về gia đình mà lại mang tài sản gia đình đi bán. Tôi nói thì anh L lại chửi tôi. Vợ chồng sống không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay

tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh L.

Về con chung: Có 01 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án. Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần báo gọi và gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L không có mặt theo các giấy tờ của Tòa án. Hiện nay hộ khẩu anh L tại thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái. Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã Đ, huyện V, tỉnh Yên Bái cho thấy anh L hiện tại vẫn có mặt tại địa phương và không đi làm ăn xa ở đâu. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các giấy tờ của Tòa án cho anh L. Anh Hoàng Đình Q là cháu anh L đã trực tiếp nhận các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và đã thông báo cho anh L, anh L biết việc Tòa án báo gọi để giải quyết việc chị Trần Thị T xin ly hôn anh. Nhưng anh L cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự được.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự, quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn L. Về con chung có 01 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Hoàng Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái vào ngày 20 tháng 08 năm 1999 là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Do con còn nhỏ và anh L nhiều lần xin lỗi nên chị đã bỏ qua và anh chị đã chung sống cùng nhau cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L ít quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình, mãi chơi và đã làm thất thoát tài sản của gia đình, mang tài sản của gia đình đi bán để trả nợ. Mâu thuẫn vợ chồng gần đây nhất xảy ra là tháng 04/2022. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L vẫn thường xuyên đi chơi bời, đi làm không mang tiền về gia đình mà lại mang tài sản gia đình đi bán. Chị T nói thì anh L lại chửi chị. Hiện nay anh chị đã sống không ai quan tâm đến ai nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị T xin ly hôn anh L là có căn cứ.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Đã xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị T và anh L hiện nay đã sống không ai quan tâm đến ai nữa. Từ đó có căn cứ cho rằng tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xử cho chị T được ly hôn anh L là có căn cứ.

[4] Về con chung: Có 01 cháu đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Phần đề nghị tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn L.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng tiền án dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0003137 ngày 17 tháng 10 năm 2022 tại Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Các đương sự (2)
- UBND xã A.
- Lưu HS (2)-TQĐ(2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Thoảng